

Bản án số: 12/2025/HS-PT

Ngày: 17/01/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương.

Bà Trần Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Đình Đức- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ L số: 308/TLPT-HS, ngày 16/12/2025 đối với bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Vi Văn S. Do có kháng cáo của bị cáo T và bị cáo S đối với bản án hình sự sơ thẩm số 134/2024/HS-ST, ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Thị T**, sinh năm 1979; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Thôn Tr, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 01/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Ch (đã chết) và bà Nông Thị M; Có chồng là Lương Văn C và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 25/3/2024 đến ngày 03/4/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại; Có mặt.

2. Họ và tên: **Vi Văn S**, sinh năm 1975; Tên gọi khác: Không; Nơi thường trú: Thôn Kh, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 0/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn Ch và bà Chu Thị K; Có vợ là Vi Thị M1 và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 64/2010/HSST ngày 26/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt Vi Văn S 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

- Tại Bản án số 45/2016/HSST ngày 15/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã xử phạt Vi Văn S 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 07/9/2018, S đã chấp hành xong phần dân sự, ngày 29/01/2017 đã chấp hành xong hình phạt tù. Tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Hiện tại ngoại; Có mặt.

Ngoài ra còn có một số các bị cáo khác nhưng không có kháng cáo và không có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập gồm:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977;

Nơi thường trú: Tổ dân phố D, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

2. Họ và tên: Vi Văn T1, sinh năm 1980;

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

3. Họ và tên: Vi Văn Th, sinh năm 1987;

Nơi thường trú: Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

4. Họ và tên: Hoàng Thị T2, sinh năm 1984;

Nơi thường trú: Thôn Tr, xã C, huyện S, tỉnh Bắc Giang;

5. Họ và tên: Trần Thị Kh, sinh năm 1976;

Nơi thường trú: Tổ dân phố Ph, thị trấn Ph, huyện L1, tỉnh Bắc Giang;

6. Họ và tên: Vy Thị L, sinh năm 1986;

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn;

Do không kháng cáo và không có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/3/2024, phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang tổ chức lực lượng tuần tra khu vực hồ C thuộc địa phận xã C và xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, phát hiện tại khu vực lòng hồ C thuộc thôn Ao Vường, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang có đối tượng Nguyễn Văn Q đang đỗ xe ô tô, loại xe 16 chỗ, nhãn hiệu Ford Transit, biển kiểm soát 98B-038.61 có biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác tiến hành kiểm tra phát hiện trên xe có các đồ vật, cụ thể:

- 01 (một) túi xách màu đen, có chữ “Calotiy Kione”, bên trong có 09 (chín) điện thoại di động, bao gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 358780101025877, số IMEI 2: 358781101025875;

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 862892052307094, IMEI 2: 862892052307086; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu vàng, đã qua sử dụng lắp sim 1 có số seri: 89840200011634824781, hiển thị số điện thoại 0834932045; sim 2 có số seri: 8984048851000971179, hiển thị số điện thoại 0964057360; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax, màu xanh đã qua sử dụng lắp sim có số seri: 8984048000303305176, hiển thị số điện thoại 0966368438; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, màu hồng đã qua sử dụng, số IMEI: 355314085312995; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 862765050917256, IMEI 2: 862765050917249; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng, tại mặt sau điện thoại có hiển thị số IMEI: 357301/90/166926/8, lắp sim có số seri: 8984048000903028946, hiển thị số điện thoại 0971254127; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax màu xanh đã qua sử dụng lắp sim có số seri: 8984048000384706207, hiển thị số điện thoại 0964097837; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI: 357332564052351, IMEI2: 357332564552350.

- 01 (một) túi xách màu đen khác, bên trong có các giấy tờ tùy thân: 01 (một) Căn cước công dân, 01 (một) Giấy phép lái xe, 01 (một) Đăng ký mô tô, xe máy đều mang tên Hoàng Thị T2; 01 (một) Giấy phép lái xe, 01 (một) Đăng ký mô tô, xe máy đều mang tên Phạm Văn Thi; 02 (hai) biển kiểm soát, màu vàng số 98B-015.59. Tổ công tác đã tiến hành thu giữ và niêm phong theo quy định của pháp luật. Nghi vấn đây chính là đối tượng có vai trò đưa đón các con bạc đi đánh bạc tại khu vực lòng hồ C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tổ công tác đã tiến hành mở rộng truy tìm, đến hồi 16 giờ 50 phút cùng ngày phát hiện 01 (một) thuyền sắt dài 12m, có mái che bằng tôn đang neo đậu trong hồ C thuộc thôn Ao Vường, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trên thuyền có chủ thuyền là Vi Văn T1 cùng với Hoàng Thị B. Quá trình làm việc, T1 đã tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, màu xanh, số IMEI 1: 354491511162136, IMEI 2: 357022901162134 và 01 (một) chiếc thuyền làm bằng kim loại, chạy bằng động cơ máy nổ, dài 12 mét, có mái che làm bằng tôn; Bằng tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo, màu xanh, số IMEI 1: 865966047781279, IMEI 2: 865966047781261. Tổ công tác đã tiến hành thu giữ, niêm phong điện thoại di động, còn chiếc thuyền thì bàn giao lại cho Công an xã C, huyện L quản L, trông giữ.

Tiếp tục mở rộng truy tìm, hồi 08 giờ 30 phút ngày 25/3/2024, phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện tại đồi cây thuộc rừng phòng hộ khu vực lòng hồ thuộc thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang có 01 bãi đất trống kích thước (5x3)m nghi là hiện trường đánh bạc ngày 24/3/2024, đặc điểm vị trí: phía đông cách lòng hồ C 500m; phía Tây hướng lên đỉnh núi; phía Nam hướng lên đồi

cây; hướng Bắc giáp đường mòn lên đỉnh núi. Xung quanh hiện trường phát hiện các đồ vật sau: Các mảnh giấy có ghi chữ số bị xé; 01 (một) hòm tôn bên trong chứa: 02 (hai) dao bả dài 35cm, 04 (bốn) đĩa sứ màu trắng; 02 (hai) bát sứ màu trắng; 04 (bốn) quân vị làm bằng tre, một mặt tô mực màu đen, một mặt để nguyên; 01 (một) bìa cây thuốc lá kẻ bàng; 10 (mười) bút dạ mực màu đen; 01 (một) bút bi màu đỏ; 01 (một) túi dây nịt; 01 (một) miếng gỗ hình vuông dày 04cm; 01 (một) khúc gỗ dài 35cm; 01 (một) khúc tre dài 35cm; 01 (một) bình ga mini; 01 (một) đầu khò; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ; 01 (một) làn nhựa đựng: 01 (một) dao gọt hoa quả dài 25cm; 01 (một) áo khoác có mũ màu đen; 01 (một) khăn mặt màu xanh; 01 (một) kéo sắt; 03 (ba) đĩa nhựa; 02 (hai) lon nước bò húc; 01 (một) tấm nỉ màu đỏ có chiều dài khoảng 04m, chiều rộng khoảng 01m; 01 (một) bao tải bên trong có 30 chiếc ghế nhựa; 01 (một) bạt màu xanh – đỏ; 01 (một) cuốc; 01 (một) xẻng, Tổ công tác đã tiến hành thu giữ và niêm phong theo quy định pháp luật, lập bản ảnh, vẽ sơ đồ hiện trường.

Trong các ngày 25/3/2024, ngày 26/3/2024, ngày 31/3/2024, ngày 09/4/2024, ngày 24/4/2024, ngày 14/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang lần lượt tiếp nhận các đối tượng đến đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân gồm: Hoàng Thị T2, Trần Thị Kh, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn Q, Vi Văn T1, Trần Thị Kh, Vi Văn S, Vy Thị L, Vi Văn Th. Ngày 26/3/2023, Hoàng Thị T tự nguyện giao nộp: số tiền 11.000.000 đồng; Trần Thị Kh tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Galaxy A15, số IMEI 1: 357301901669268, IMEI 2: 357371921669267.

Ngày 24/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã tiến hành kiểm tra chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo, màu xanh, thu giữ của Hoàng Thị B, kết quả không phát hiện nội dung nào có liên quan đến vụ việc hay vi phạm pháp luật, nên cùng ngày đã trả lại cho chiếc điện thoại di động, có đặc điểm nêu trên cho Hoàng Thị B.

Trong các ngày 25/3/2024, ngày 31/3/2024, ngày 09/4/2024 và ngày 23/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang tiến hành kiểm tra nội dung bên trong các điện thoại đã thu giữ được. Kết quả xác định trong 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, màu xanh, số IMEI 1: 354491511162136, IMEI 2: 357022901162134 đã thu giữ của Tiến có lưu số điện thoại 0961.283.049, đặt tên là “Nghia”. Tiến xác định đây là số của Hoàng Văn Ngh liên lạc để thuê Tiến chở người đi đánh bạc. Trong 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI: 357332564052351, IMEI2: 357332564552350, Nguyễn Văn Q xác định là điện thoại của Quân; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Galaxy A15, số IMEI 1: 357301901669268, IMEI 2: 357371921669267 thu giữ của Trần Thị Kh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 862765050917256, IMEI 2:

862765050917249, Hoàng Thị T2 xác định là điện thoại của Tiến; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 862892052307094, IMEI 2: 862892052307086, Vi Văn S xác định là điện thoại của S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, màu hồng đã qua sử dụng, số IMEI: 355314085312995, Vy Thị L xác định là điện thoại của L; Trong đó đều có các nội dung liên quan đến việc liên lạc giữa các đối tượng với nhau và với Hoàng Văn Ngh về việc đi đánh bạc và tổ chức đánh bạc. Riêng đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 358780101025877, số IMEI 2: 358781101025875, Nguyễn Đình Khoản xác định là điện thoại của Khoản và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu vàng, đã qua sử dụng lắp sim 1 có số seri: 89840200011634824781, hiển thị số điện thoại 0834932045; sim 2 có số seri: 8984048851000971179, hiển thị số điện thoại 0964057360 mà Hoàng Thị T xác định là điện thoại của T, nhưng trong điện thoại không có nội dung nào liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ Th tin chủ thuê bao, cuộc gọi và tin nhắn đi và đến của các số điện thoại di động lắp trong các điện thoại di động nêu trên, lưu trong hồ sơ vụ án.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Văn Q, Hoàng Thị B, Trần Thị Kh, Vi Văn T1, Hoàng Thị T2, Hoàng Thị T, Hoàng Thị T2, Vi Văn S, Nguyễn Đình Kh1, Vy Thị L, Vi Văn Th nhận dạng qua bản ảnh đối với các đối tượng có liên quan. Kết quả các đối tượng đều nhận dạng đúng và nhận dạng ra Hoàng Văn Ngh và các đối tượng khác cùng tham gia tổ chức đánh bạc và đánh bạc.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận hành vi phạm tội cụ thể như sau:

1. Vi Văn T1: Ngày 24/3/2024, Tiến được Hoàng Văn Ngh thuê chở người đi đánh bạc tại đồi cây thuộc rừng phòng hộ khu vực lòng hồ C, huyện L, tỉnh Bắc Giang với giá 1.000.000 đồng/chuyến.

2. Nguyễn Văn Q: Ngày 24/3/2024, được Hoàng Văn Ngh thuê đưa, đón người đi đánh bạc đến bến thuyền thuộc xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang với giá 1.000.000 đồng/chuyến.

3. Vi Văn Th khai nhận: Chiều ngày 24/3/2024, được Hoàng Văn Ngh thuê trông đường để tổ chức đánh bạc với giá 300.000 đồng/buổi. Khi đi, Th mang theo hòm tôn đựng dụng cụ đánh bạc lấy từ nhà Nông Văn Q1; Th được phát bộ đàm để trông đường. Khi bị phát hiện, Th trốn lên rừng đến tối thì xuống đi nhờ thuyền đánh cá vào bờ.

4. Vi Văn S khai nhận: Khi đến sới bạc, S mang theo và sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc. Đánh được mấy ván thì S thua hết tiền nên không chơi đánh bạc nữa và cũng không nộp tiền phé mà ngồi xem cho đến khi Ngh bảo nghỉ. Tổng số tiền S sử dụng vào mục đích đánh là 300.000 đồng.

5. Vy Thị L khai nhận: Khi đến sới bạc, L sử dụng 1.490.000 đồng để đánh bạc. Khi có người thu phé thì L bảo với Ngh cho L nộp tiền phé sau, nhưng sau đó

cũng không thấy ai thu phé của L nữa nên không nộp. Khi đang đánh bạc thì Ngh bảo nghỉ. Lúc này, L đã thua số tiền 950.000 đồng, còn lại số tiền 540.000 đồng. Tổng số tiền L sử dụng vào mục đích đánh bạc là 1.490.000 đồng.

6. Hoàng Thị T khai nhận: Khi đến sới bạc T mang theo 11.500.000 đồng, nộp phé mất 500.000 đồng, còn lại số tiền 11.000.000 đồng T sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi đang đánh bạc thì Ngh bảo nghỉ, lúc này T kiểm tra thấy còn lại số tiền 9.500.000 đồng, đã thua hết số tiền 1.500.000 đồng. Tổng số tiền T sử dụng vào mục đích đánh bạc là 11.000.000 đồng.

7. Hoàng Thị T2 khai nhận: Khi đến sới bạc, T2 mang theo 1.300.000 đồng, nộp phé số tiền 500.000 đồng, sử dụng số tiền 800.000 đồng còn lại đánh bạc. Khi thua hết, Tiền vay của Ngh số tiền 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc (lần một vay 2.000.000 đồng, lần sau vay 3.000.000 đồng). Đánh được một lúc thì Tiền trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho Ngh và cũng hết tiền nên không chơi nữa. Tổng số tiền Tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.800.000 đồng.

8. Trần Thị Kh khai nhận: Khi đến sới bạc, Kh được Cường đưa cho 1.500.000 đồng để đánh bạc và nộp tiền phé. Khai lấy 500.000 đồng ra nộp tiền phé. Sau đó sử dụng 50.000 đồng để đặt cược một ván thì bị thua. Sau đó, Khai chỉ ngồi xem cho đến khi Ngh bảo nghỉ. Tổng số tiền Kh sử dụng vào mục đích đánh là 50.000 đồng.

Hình thức đánh bạc là đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, cụ thể như sau: Người xóc cái cho 04 (bốn) quân vị bằng gỗ tre, mỗi quân vị có một mặt tô mực màu đen, một mặt để nguyên dạng (gọi là mặt trắng) vào trong đĩa làm bằng sứ rồi lấy bát làm bằng sứ úp lên trên. Sau đó người xóc cái xóc lên, từ đó sẽ tạo nên các hình thức chắn lẻ khác nhau. Mặt chắn gồm: 4 quân màu trắng, 4 quân màu đen hoặc 2 quân màu đen, 2 quân màu trắng. Mặt lẻ gồm: 1 quân màu đen, 3 quân màu trắng hoặc 1 quân màu trắng, 3 quân màu đen. Khi đánh bạc, có quy ước là đặt tiền bên tay phải người xóc cái là bên chắn, bên tay trái người xóc cái là bên lẻ. Tùy theo từng ván bạc mà các đối tượng đánh chắn, lẻ khác nhau, ai đánh bạc bên nào thì đặt tiền bên đó, tỉ lệ được thua là 1/1. Khi người xóc cái xong thì đặt bát xuống chiếu, các đối tượng bắt đầu đặt tiền, khi không còn ai đặt tiền nữa thì người cầm cái mở bát ra, nếu ván bạc là chắn thì người làm hồ lý sẽ lấy tiền của những người đánh bạc bên lẻ trả cho người đánh bạc bên chắn và ngược lại; nếu ván bạc là lẻ thì người làm hồ lý lấy tiền của những người đánh bạc bên chắn trả cho người đánh bạc bên lẻ. Trong ván bạc, thừa tiền thì người xóc cái sẽ được hưởng, thiếu tiền thì người xóc cái lấy tiền mình trả cho người thắng. Tùy theo từng ván bạc, nếu ván bạc nào sau khi xóc cái xong mà canh bạc bị ế, người xóc cái cảm thấy ván bạc bị thua thì người xóc cái sẽ không mở bát và yêu cầu được xóc ván mới, lúc này người làm dây (tức là chực chín) sẽ đứng ra mở bát và thu hết tiền ở cả hai bên lẻ và chắn. Sau đó trả 90% phần tiền cho người thắng và được hưởng 100% số tiền của người chơi thua.

Ngoài ra những người đánh bạc còn có thể đánh bằng vị, trong đó 01 ô 01 chấm đen, 03 chấm trắng; 01 ô 03 chấm đen, 01 chấm trắng; 01 ô 04 chấm đen; 01 ô 04 chấm trắng. Nếu người chơi đặt tiền ở ô 04 chấm trắng hoặc ô 04 chấm đen, khi người sóc cái mở bát ra mà quân cái thể hiện 04 quân trắng hoặc 04 quân đen thì tỷ lệ là 1 gấp 10 lần; nếu đặt tiền ở ô 01 chấm đen, 03 chấm trắng hoặc ô 01 chấm trắng, 03 chấm đen thì khi người sóc cái mở bát ra mà quân cái thể hiện 01 quân đen, 03 quân trắng hoặc 01 quân trắng, 03 quân đen thì tỷ lệ là 1 gấp 3 lần.

Căn cứ lời khai của các đối tượng, phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã tổ chức đưa Hoàng Thị T; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã đưa Vi Văn Th đi xác định hiện trường vụ việc đánh bạc. Kết quả: T đã chỉ ra địa điểm đánh bạc chính là hiện trường ngày 25/3/2024 mà Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đã phát hiện, thu giữ các đồ vật, có đặc điểm nêu trên. Quá trình làm việc đã lập biên bản, ảnh ảnh và vẽ sơ đồ hiện trường. Cùng ngày, tiến hành mở niêm phong và cho T quan sát trực tiếp các đồ vật đã thu giữ tại hiện trường, kết quả T xác đây đúng là những đồ vật mà nhóm các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc ngày 24/3/2024. Còn Th xác định vị trí lên thuyền, vị trí xuống thuyền và vị trí Th đứng canh gác, cảnh giới cho sói bạc.

Ngày 26/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nhà ở, chỗ ở và nơi làm việc của Hoàng Văn Ngh tại thôn Bền, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang, kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Đối với Hoàng Văn Ngh, Nông Văn Q1, Chu Văn Ch2 và Chu Văn K1 sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 1355 ngày 22/8/2024 để tách hành vi của các bị can, điều tra trong một vụ án khác là có căn cứ.

Đối với Hoàng Thị B là người bị phát hiện trên thuyền cùng Vi Văn T1, nhưng không tham gia đánh bạc hay tổ chức đánh bạc, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử L là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Đình Kh2 ban đầu khai nhận có tham gia đánh bạc, nhưng sau đó thay đổi lời khai, không thừa nhận có tham gia đánh bạc. Cơ quan điều tra tiếp tục đấu tranh, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xử L theo quy định của pháp luật.

Đối với các đối tượng chưa rõ nhân thân, lý lịch, hoặc vắng mặt tại địa phương, chưa lấy được lời khai, chưa làm rõ được hành vi phạm tội bao gồm: Người đàn ông tên C1 theo lời khai của Trần Thị Kh; Phạm Văn H, sinh năm 1978, trú tại Tổ dân phố L, thị trấn Ch, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Trần Đức H1, sinh năm 1984, trú tại thôn L, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Lê Anh Q3, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Triệu Văn B, sinh năm 1985, trú tại thôn Ch, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Vi Khánh Th1, trú tại tỉnh Lạng Sơn. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh để xác định về nhân thân của đối tượng và hành vi của đối tượng. Nếu đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với sự việc Hoàng Văn Ngh cho Hoàng Thị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, thu thập chứng cứ và xử L trong vụ án đã tách đối với Hoàng Văn Ngh là có căn cứ.

Về vật chứng của vụ án:

Ngày 16/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử L vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đối với: 01 (một) chiếc thuyền làm bằng kim loại dài 12m, chạy bằng động cơ máy nổ, có mái che bằng tôn, đã qua sử dụng cho anh Vi Văn Đại; 01 túi xách màu đen, 02 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký mô tô xe máy mang tên Hoàng Thị T2 cho Hoàng Thị T2; 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký mô tô xe máy mang tên Phạm Văn Th2 cho anh Phạm Văn Th2; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT, mang biển kiểm soát 98B - 038.61 cho anh Đặng Công K;

Đối với số vật chứng bao gồm: số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) do Hoàng Thị T giao nộp và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu vàng, đã qua sử dụng lắp sim 1 có số seri: 89840200011634824781, hiển thị số điện thoại 0834932045; sim 2 có số seri: 8984048851000971179, hiển thị số điện thoại 0964057360 của Hoàng Thị T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 862892052307094, IMEI 2: 862892052307086 của Vi Văn S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6, màu hồng đã qua sử dụng, số IMEI: 355314085312995 của Vy Thị L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 862765050917256, IMEI 2: 862765050917249 của Hoàng Thị T2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, có số IMEI: 357332564052351, IMEI2: 357332564552350 của Nguyễn Văn Q; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, màu xanh, số IMEI 1: 354491511162136, IMEI 2: 357022901162134 của Vi Văn T1; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Galaxy A15, số IMEI 1: 357301901669268, IMEI 2: 357371921669267 của Trần Thị Kh, được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện L để xử L theo quy định của pháp luật.

Đối với số vật chứng còn lại, bao gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 358780101025877, số IMEI 2: 358781101025875 của Nguyễn Đình Khoản; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax, màu xanh đã qua sử dụng lắp sim có số seri: 8984048000303305176, hiển thị số điện thoại 0966368438; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng, tại mặt sau điện thoại có hiển thị số IMEI: 357301/90/166926/8, lắp sim có số seri: 8984048000903028946, hiển thị số điện thoại 0971254127; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Promax màu xanh đã qua sử dụng lắp sim có số seri: 8984048000384706207, hiển thị số điện thoại 0964097837; 01 (một) phong bì ghi chú “Vị trí số 01 tại hiện

trường”, bên trong có nhiều mảnh giấy nhỏ có ghi các con số; 01 (một) phong bì ghi chú “Vị trí số 02 tại hiện trường”, bên trong có nhiều mảnh giấy nhỏ có ghi các con số; 01 (một) làn nhựa; 01 (một) dao gọt hoa quả dài khoảng 25cm; 01 (một) áo khoác màu đen liền mũ; 01 (một) khăn mặt màu xanh; 01 kéo sắt; 03 đĩa nhựa hình tròn (01 đĩa màu xanh; 02 đĩa màu trắng); 02 (hai) lon nước bò húc; 01 (một) bao dứa bên trong có 30 chiếc ghế nhựa các màu; 01 (một) tấm ni đồ có kích thước (1,01 x 3.90)m; 01 (một) tấm bạt màu xanh có kích thước (5x7,3)m; 01 (một) cuốc sắt có cán bằng gỗ; 01 (một) xẻng sắt có cán bằng gỗ; 01 (một) thùng giấy niêm phong dán kín bằng dải niêm phong, bên trong chứa 01 (một) hòm tôn. Trong hòm tôn có: 02 (hai) dao bài dài khoảng 35cm (trong đó có 01 dao cán màu xanh); 04 (bốn) đĩa sứ màu trắng; 02 (hai) bát sứ màu trắng (trong đó có 01 bát được tô mực đen bên trong, bên ngoài dán băng dính); 04 (bốn) quân vị bằng tre một mặt tô mực đen; 01 (một) bìa cát tông làm bằng hộp bao thuốc lá, một mặt được kẻ bảng màu đỏ; 10 (mười) bút dạ đen; 01 (một) bút bi màu đỏ; 01 (một) túi ni lông bên trong có chứa nhiều vòng dây chun (không kiểm đếm số vòng); 01 (một) miếng gỗ hình vuông; 01 (một) khúc tre dài khoảng 35cm; 01 bình ga mini; 01 (một) đầu khò; 01 (một) bó hương (không kiểm đếm); 01 (một) bộ bài tứ lơ khơ (không kiểm đếm); 01 (một) túi màu đen có chữ “Calotiy Kione”; 02 biển kiểm soát màu vàng số 98B-015.59, được lưu trữ tại kho vật chứng của Công an huyện L, để giải quyết trong vụ án được tách từ vụ án nêu trên.

Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2024/HS-ST, ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị T 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ (từ ngày 25/3/2024 đến ngày 03/4/2024). Phạt bổ sung bằng tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Vi Văn S 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính ngày bị cáo đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vi Văn S.

Ngoài ra bản án còn tuyên mức hình phạt với các bị cáo khác, xử L vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo; quyền thi hành án dân sự cho các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/11/2024 và ngày 12/11/2024, bị cáo T và bị cáo S đã nộp đơn kháng cáo đều đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

+ Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo T chỉ đề nghị xin được hưởng án treo và nộp các tài liệu mới gồm:

Biên lai thu tiền số 0002526 ngày 10/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L có nội dung bị cáo T nộp tiền án phí, tiền truy thu và tiền phạt là 19.700.000 đồng theo bản án hình sự sơ thẩm;

Giấy chứng nhận của Bộ Tư lệnh Quân khu 1 ngày 12/02/2019 xác nhận bà Nông Thị Mười (mẹ bị cáo T) đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến;

Quyết định số 2858/QĐ-BTL, ngày 25/12/2018 của Bộ Tư lệnh Quân khu 1 – Bộ quốc phòng về việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân công hỏa tuyến là bà Nông Thị M;

Phiếu thu tiền ngày 08/01/2025 của UBMTTQ xã B có nội dung: Bị cáo Hoàng Thị T ủng hộ Quỹ người nghèo số tiền 500.000 đồng.

Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Thị T có xác nhận của đại diện UBND xã B có nội dung: Gia đình bị cáo T có hoàn cảnh khó khăn; chồng bị cáo bỏ nhà đi từ năm 2009 đến nay không về nhà. Một mình bị cáo phải nuôi 1 mẹ già (sinh năm 1938) và 3 con trong đó 1 con của bị cáo bị cụt chân do tai nạn giao Th; 02 con đang đi học.

+ Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo S chỉ đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và nộp các tài liệu mới gồm:

Biên lai thu tiền số 0002527, ngày 14/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L có nội dung: Bị cáo S đã tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo bản án hình sự sơ thẩm đã tuyên;

Phiếu thu tiền ngày 15/01/2025 của UBND xã T có nội dung: Bị cáo Vi Văn S ủng hộ Quỹ hoạt động Thể dục thể thao của xã T số tiền 1.000.000 đồng.

Đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo S có xác nhận của đại diện UBND xã T có nội dung: Gia đình bị cáo S có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; vợ bị cáo thường xuyên bị ốm đau. Hiện nay vợ chồng bị cáo phải nuôi 2 cháu nội đang đi học do con trai và con dâu đi làm ăn xa 2 năm nay không liên lạc với gia đình.

+ **Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang** phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo T và bị cáo S phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 355, điểm e, khoản 1, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị T; áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 355, điểm c, khoản 1, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn S, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 134/2024/HS-ST, ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo T được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 2 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Hoàng Thị T

cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xác nhận bị cáo Hoàng Thị T đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; tiền phạt bổ sung và tiền truy thu với tổng số tiền là 19.700.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002526, ngày 10/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo bản án hình sự sơ thẩm;

+ Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn S 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính ngày bị cáo đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vi Văn S.

+ Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T và bị cáo S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Ngày 24/3/2024 tại đồi cây thuộc rừng phòng hộ, khu vực lòng hồ thuộc thôn Đ, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, các đối tượng Nguyễn Văn Q, Vi Văn T1, Hoàng Văn Ngh, Chu Văn Ch, Nông Văn Q1, Vi Văn Th đã có hành vi tổ chức cho các đối tượng gồm Hoàng Thị T2 sử dụng, Hoàng Thị T, Trần Thị Kh, Vi Văn S, Chu Văn K, Vy Thị L tham gia đánh bạc, bằng hình thức đánh xóc đĩa. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 18.640.000 đồng thu lời bất chính bằng việc thu phí 1.500.000 đồng. Các bị cáo đã khai nhận cụ thể như sau

Vi Văn T1 được Hoàng Văn Ngh thuê chở người đi đánh bạc tại đồi cây thuộc rừng phòng hộ khu vực lòng hồ C, huyện L, tỉnh Bắc Giang với giá 1.000.000 đồng/chuyến.

Nguyễn Văn Q được Hoàng Văn Ngh thuê đưa, đón người đi đánh bạc đến bến thuyền thuộc xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang với giá 1.000.000 đồng/chuyến.

Vi Văn Th được Hoàng Văn Ngh thuê trông đường để tổ chức đánh bạc với giá 300.000 đồng/buổi. Khi đi, Th mang theo hòm tôn đựng dụng cụ đánh bạc lấy từ nhà Nông Văn Q1; Th được phát bộ đàm để trông đường. Khi bị phát hiện, Th trốn lên rừng đến tối thì xuống đi nhờ thuyền đánh cá vào bờ.

Khi đến sới bạc, Vi Văn S mang theo và sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc. Đánh được mấy ván thì S thua hết tiền nên không chơi đánh bạc nữa và cũng không nộp tiền phí mà ngồi xem cho đến khi Ngh bảo nghỉ. Tổng số tiền S sử dụng vào mục đích đánh là 300.000 đồng.

Khi đến sới bạc, Vy Thị L sử dụng 1.490.000 đồng để đánh bạc. Khi có người thu phí thì L bảo với Ngh cho L nộp tiền phí sau, nhưng sau đó cũng không thấy ai

thu phé của L nữa nên không nộp. Khi đang đánh bạc thì Ngh bảo nghỉ. Lúc này, L đã thua số tiền 950.000 đồng, còn lại số tiền 540.000 đồng. Tổng số tiền L sử dụng vào mục đích đánh bạc là 1.490.000 đồng.

Khi đến sới bạc Hoàng Thị T mang theo 11.500.000 đồng, nộp phé mất 500.000 đồng, còn lại số tiền 11.000.000 đồng T sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi đang đánh bạc thì Ngh bảo nghỉ, lúc này T kiểm tra thấy còn lại số tiền 9.500.000 đồng, đã thua hết số tiền 1.500.000 đồng. Tổng số tiền T sử dụng vào mục đích đánh bạc là 11.000.000 đồng.

Khi đến sới bạc, Hoàng Thị T2 mang theo 1.300.000 đồng, nộp phé số tiền 500.000 đồng, sử dụng số tiền 800.000 đồng còn lại đánh bạc. Khi thua hết, Tiền vay của Ngh số tiền 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc (lần một vay 2.000.000 đồng, lần sau vay 3.000.000 đồng). Đánh được một lúc thì T2 trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho Ngh và cũng hết tiền nên không chơi nữa. Tổng số tiền Tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.800.000 đồng.

Khi đến sới bạc, Trần Thị Kh được C đưa cho 1.500.000 đồng để đánh bạc và nộp tiền phé. Kh lấy 500.000 đồng ra nộp tiền phé. Sau đó sử dụng 50.000 đồng để đặt cược một ván thì bị thua. Sau đó, Kh chỉ ngồi xem cho đến khi Ngh bảo nghỉ. Tổng số tiền Kh sử dụng vào mục đích đánh là 50.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo T và bị cáo S có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bị cáo S đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và xét kháng cáo của bị cáo T đề nghị xin Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về nhân thân:

Bị cáo T có nhân thân tốt.

Bị cáo S đã 2 lần bị xử phạt về hành vi phạm tội đánh bạc nên được coi là có nhân thân xấu.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S và bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S và bị cáo T có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự về việc “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”.

Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo S, Tòa sơ thẩm đã xét xử bị cáo S với mức hình phạt 8 tháng tù và xét xử bị cáo T với mức hình phạt 1 năm tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp, không cao.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo S và bị cáo T đã nộp thêm những tài liệu mới. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng thêm cho bị cáo S và bị cáo T.

Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo S và bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo S và bị cáo T cụ thể như sau:

Đối với bị cáo S: Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo S và xử phạt bị cáo S ở mức khởi điểm của khung hình phạt theo như đề nghị của vị đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa.

Đối với bị cáo T: Do bị cáo T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các khoản 1, 2, Điều 51 Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Theo hướng dẫn của Điều 65 Bộ luật hình sự và hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo T đủ điều kiện được hưởng án treo. Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T, nhưng cho bị cáo T được hưởng án treo và tuyên thời gian thử thách đối với bị cáo T, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Mặc dù tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng theo Th báo sửa chữa, bổ sung bản án số 50/2024/TB-TA, ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện L thì bị cáo S được miễn án phí vì bị cáo S là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc đối tượng được miễn án phí. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo S 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm mà bị cáo S đã tự nguyện nộp sau khi xét xử sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo S và bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 355, điểm e, khoản 1, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Thị T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 134/2024/HS-ST, ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo T.

Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo T được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 2 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, (ngày 17/01/2025).

Giao bị cáo Hoàng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo qui định tại khoản 3, Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm Ngh vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo qui định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xác nhận bị cáo Hoàng Thị T đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; tiền phạt bổ sung và tiền truy thu với tổng số tiền là 19.700.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002526 ngày 10/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo bản án hình sự sơ thẩm;

[2] Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 355, điểm c, khoản 1, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn S, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 134/2024/HS-ST, ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo S.

Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn S 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính ngày bị cáo đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vi Văn S.

[3] Hoàn trả cho bị cáo Vi Văn S 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0002527, ngày 14/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L tỉnh Bắc Giang.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Vi Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công Th tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền**

